

BÀI GIẢNG

-  
**ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA  
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

<u>ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM.....</u>	<u>1</u>
<u>Chương mở đầu ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN</u>	
<u>CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT</u>	
<u>NAM .....</u>	<u>3</u>
<u>Chương I SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM .....</u>	<u>5</u>
<u>VÀ CƯỜNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG.....</u>	<u>5</u>
<u>I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM .....</u>	<u>5</u>
<u>Chương IV ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ .....</u>	<u>25</u>

# **Chương mở đầu ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

## **I. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU**

### **1. Đối tượng nghiên cứu**

#### *a) Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

- Đường lối cách mạng của Đảng là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng của Đảng được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị ... của Đảng.

#### *b) Đối tượng nghiên cứu môn học*

- Đối tượng của môn học là sự ra đời của Đảng và hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Môn học nghiên cứu về những vấn đề quan trọng nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam và những thành tựu của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Do đó, môn học nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam và những thành tựu của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

- Môn học nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam và những thành tựu của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Do đó, môn học nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam và những thành tựu của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

### **2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

- Làm rõ quá trình hình thành, phát triển và kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong đó đặc biệt chú trọng thời kỳ đổi mới

## **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC**

### **1. Phương pháp nghiên cứu**

#### *a) Cơ sở phương pháp luận*

Nghiên cứu, học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam phải trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và các quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Hồ Chí Minh.

#### *b) Phương pháp nghiên cứu*

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic, ngoài ra có sự kết hợp các phương pháp khác như phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hoá và trừu tượng hóa... thích hợp với từng nội dung của môn học.

### **2. Ý nghĩa của học tập môn học**

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

# **Chương I SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG**

## **I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

### **1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX**

#### *a) Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó*

- Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và chính sách tăng cường xâm lược, áp bức các dân tộc thuộc địa.

- Hậu quả chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc: Mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh chống xâm lược diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

#### *b) Chủ nghĩa Mác-Lênin*

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản. Nhiệm vụ chính yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là thực hiện cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân để thực hiện mục tiêu: xóa bỏ chế độ bóc lột, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi ách áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Việt Nam, thúc đẩy phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn tới sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

#### *c) Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản*

- Cách mạng Tháng Mười Nga mở đầu một thời đại mới “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”<sup>1</sup>.

- Sự tác động của Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 đối với cách mạng Việt Nam

- Quốc tế Cộng sản: Đối với Việt Nam, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và chỉ đạo về vấn đề thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

### **2. Hoàn cảnh trong nước**

---

1

a) *Xó hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp*

- Chính sách cai trị của thực dân Pháp

Về chính trị, thực dân Pháp tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn; chia Việt Nam thành 3 xứ: Bắc kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và thực hiện mỗi kỳ có một chế độ cai trị riêng.

Về kinh tế, thực dân Pháp tiến hành cướp đoạt ruộng đất lập đồn điền, khai thác tài nguyên (than, thiếc, kẽm), cho xây dựng một số cơ sở công nghiệp....

Về văn hoá, thực hiện chính sách văn hoá giáo dục thực dân; dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu...

- Tồn hữnh giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xó hội

+ Giai cấp địa chủ Việt Nam

+ Giai cấp nông dân

+ Giai cấp công nhân

+ Giai cấp tư sản

+ Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam

*Tóm lại:* Chính sách cai trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực kinh tế văn hoá xã hội. Trong đó đặc biệt là sự ra đời hai giai cấp mới giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Trong xã hội Việt Nam ngoài *mâu thuẫn chủ yếu cơ bản giữa nông dân Việt Nam với giai cấp địa chủ phong kiến*, đã nảy sinh ra mâu thuẫn vừa là cơ bản vừa là chủ yếu và ngày càng gay gắt trong đời sống dân tộc đó là *mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược*. Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra hai yêu cầu:, một là phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, hai là xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho nhân dân. Trong đó chống đế quốc phong kiến là nhiệm vụ hàng đầu.

b) *Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*

- Phong trào Cần Vương (1885-1896)

- Cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913)

- Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu

- Phong trào duy tân (cải cách) của Phan Châu Trinh
- Tân Việt Cách mạng Đảng ra đời
- Việt Nam quốc dân Đảng
- Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của phong trào
- Sự khủng hoảng về con đường cứu nước và nhiệm vụ lịch sử đặt ra
- c) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản
  - Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
  - Sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản; sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
  - Tháng 6-1925 thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
  - Tháng 5-1929 ra đời ba tổ chức Đảng.
    - + Đông Dương cộng sản Đảng
    - + An Nam Cộng sản Đảng
    - + Đông Dương Cộng sản Đảng liên đoàn
- \* ý nghĩa và hạn chế của sự ra đời ba tổ chức Đảng

## II. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

### 1. Hội nghị thành lập Đảng

#### a) Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam

- Ở cuối 1929 những nghị định cũng như trong ba tác phẩm "Đảng cộng sản Việt Nam" của Nguyễn Ái Quốc
- Ngày 27-10, Quốc tế cộng sản yêu cầu các Đảng cộng sản Đông Dương phải kết hợp thành một Đảng duy nhất
- Hà Chí Minh chủ trì Hội nghị hiệp nhất Đảng (Hội nghị Trung Quốc)

#### b) Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng

- Chương cương vắn tắt của Đảng;
- Sách lược vắn tắt của Đảng;

## Chương trình tóm tắt của Đảng

§iÒu lÖ v<sup>3</sup>/<sub>4</sub>n t<sup>3</sup>/<sub>4</sub>t

**2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng** (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; §iÒu lÖ v<sup>3</sup>/<sub>4</sub>n t<sup>3</sup>/<sub>4</sub>t Chương trình tóm tắt của Đảng)

a) *Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam*: CÊch m<sup>1</sup>ng ViÖt Nam lụ cuéc C, ch m<sup>1</sup>ng t s¶n d©n quyÒn c, ch m<sup>1</sup>ng vự thæ ®Pa c, ch m<sup>1</sup>ng.

*NhiÖm vô*: §, nh ®æ chñ nghÜa Ph, p vự phong kiÖn; lụm cho níc ViÖt Nam ®-íc ®éc lËp. TPch thu ruéng ®Êt, xo, bá t« thuÖ; më mang c«ng nghiÖp, n«ng nghiÖp; nam n÷ b×nh quyÒn; phæ th«ng gi, o d©c...

b) *Lực lượng cách mạng*: Thu phôc cho ®íc ®i bé phËn d©n cùy nghiÖo lụm thæ ®Pa c, ch m<sup>1</sup>ng, ®oùn kÖt toùn d©n.

c) *Lãnh đạo cách mạng*: Giai cÊp v« s¶n lụ lúc lĩng l-nh d'io c, c m<sup>1</sup>ng ViÖt Nam. §¶ng céng s¶n lụ ®éi ti<sup>a</sup>n phong cũa giai cÊp v« s¶n ph¶i thu phôc cho ®íc ®i bé phËn cũa giai cÊp m×nh, ph¶i lụm cho giai cÊp m×nh l-nh ®'io ®íc d©n chóng.

d) *Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới*: C, ch m<sup>1</sup>ng ViÖt Nam lụ mét bé phËn cũa c, ch m<sup>1</sup>ng thÖ giú.

**3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

a) Xác lập sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng; thống nhất tư tưởng, chính trị và tổ chức phong trào cộng sản Việt Nam.

b) Xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc và phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam; giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam; nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

c) Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, tranh thủ được sự ủng hộ của cách mạng thế giới.



## **Chương II ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

### **I. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939**

#### **1. Trong những năm 1930-1935**

##### *a) Luận cương Chính trị tháng 10-1930*

- Nội dung Luận cương

+ Luận cương chính trị đã phân tích đặc điểm, tình hình xã hội thuộc địa nửa phong kiến và nêu lên những vấn đề cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ ở Đông Dương do giai cấp công nhân lãnh đạo.

+ Mâu thuẫn giai cấp diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc.

+ *Phương hướng chiến lược cách mạng Đông Dương*: Từ tư sản dân quyền thắng lợi sẽ bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

+ *Nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền*: Đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất và đánh đổ chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

+ *Về lực lượng cách mạng*: Giai cấp vô sản là động lực chính của cách mạng vô sản nhân quyền.

+ *Phương pháp cách mạng*: Ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang cách mạng”.

+ *Về quan hệ quốc tế*: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của Cách mạng thế giới.

+ *Vai trò lãnh đạo của Đảng*: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng.

- Í nghĩa của Luận cương

+ *Luận cương chính trị* đã khẳng định lại nhiều vấn đề cách mạng mà *Chánh cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* nêu ra.

+ Không đề ra được một liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai

Luận cương chính trị và Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt có những điểm khác nhau:

+ Luận cương chưa tìm ra và nắm vững những đặc điểm của xã hội thuộc địa, nửa phong kiến Việt Nam.

+ Do nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp ở cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng trực tiếp của khuynh hướng “tả” của Quốc tế cộng sản.

*b) Chủ trương khôi phục tổ chức đảng và phong trào cách mạng*

- Đấu tranh chống khủng bố trắng

+ Phong trào cách mạng Xôviết Nghệ- Tĩnh đang dâng cao, đế quốc Pháp và tay sai thẳng tay đàn áp, hòng dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam.

+ Hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn quần chúng yêu nước bị bắt, bị giết. Toàn bộ Ban chấp hành Trung ương bị bắt.

- Chủ trương khôi phục tổ chức đảng

+ Tháng 6-1932, Ban lãnh đạo Trung ương đã công bố chương trình hành động của Đảng cộng sản Đông Dương

+ Đánh giá 2 năm đấu tranh của quần chúng công nông

+ Chương trình hành động đề ra những yêu cầu cụ thể cho từng giai cấp và tầng lớp nhân dân

+ Tháng 3-1935. Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội khẳng định thắng lợi của cuộc đấu tranh khôi phục phong trào cách mạng và hệ thống tổ chức Đảng.

## **2. Trong những năm 1936-1939**

*a) Hoàn cảnh lịch sử*

- Tởnh hõnh thế giới

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929-1933, dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa phát xít

+ Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxcơva (tháng 7/1935). Đại hội đã chỉ ra kẻ thù nguy hiểm trước mắt của giai cấp vô sản và nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít.

- Tởnh hõnh trong nước

+ Pháp ra sức bóc lột, vơ vét, bóp nghẹt quyền tự do, dân chủ và thi hành những chính sách khủng bố đàn áp.

+ Hệ thống tổ chức của Đảng và các cơ sở cách mạng quần chúng được khôi phục

*b) Chủ trương và nhận thức mới của Đảng*

Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã họp Hội nghị lần hai (7-1936), lần thứ ba (3-1937), lần thứ tư (9-1937) và lần thứ năm (3-1938) ... đề ra chủ trương đổi mới và chính trị, tổ chức và hình thức đấu tranh phù hợp.

- Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh.

*Về kẻ thù cách mạng:* là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai.

*Về nhiệm vụ cách mạng trước mắt:* Đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

*Về đoàn kết quốc tế:* Đoàn kết với giai cấp công nhân và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới.

*Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh:* Phải chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang các hình thức đấu tranh công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp.

Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ

Văn kiện của Đảng “*Chung quanh vấn đề chiến sách mới*” (10/1936) đã nhận thức lại mối quan hệ hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng Việt Nam: nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phần đế và điền địa’

Tháng 7/1939 Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản cuốn *Tự chỉ trích* có tác dụng lớn trong việc khắc phục những lệch lạc,, sai lầm trong phong trào vận động dân chủ, tăng cường đoàn kết trong nội bộ Đảng.

**Tóm lại:** Các nghị quyết của BCH TW trong thời kỳ này đã đánh dấu bước trưởng thành của Đảng ta về chính trị tư tưởng, thể hiện bản lĩnh và tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng, mở ra một cao trào mới trong cả nước.

## II. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945

### 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

#### a) Tình hình thế giới và trong nước

- Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ

- Ngày 1-9-1939, §ộc tÊn c«ng Ba Lan; 6-1939, §ộc tÊn c«ng Ph,p; ngày 22-6-1941, §ộc tÊn c«ng Li^n X«.

- Tình hình trong nước.

Thùc d©n Ph,p thi hµnh chÝnh s, ch thêi chiÕn tr¼ng trÎn. Chóng ph,t xÝt ho, bé m,y theng trP, th¼ng tay ®µn ,p phong trµo c, ch m¼ng.

Chóng ban bè lÖnh tæng ®éng viªn vµ b¼t h-n 7 v¼n thanh niªn bP b¼t ®i Ph,p vµ bia ®ì ®¼n.

Ngày 23-9-1940 tại Hà Nội, Pháp ký hiệp ước đầu hàng Nhật, nhân dân ta chịu cảnh một cổ hai tròng áp bức bóc lột là đế quốc phát xít Pháp- Nhật.

*b) Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*

- Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu
- Thành lập Mặt trận Việt Minh, để đoàn kết, tập hợp các lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc
- Quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm

*c) Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*

*Về lý luận:* Gương cao ngọn cờ dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng rãi mọi người yêu nước Việt Nam trong mặt trận Việt Minh

*Về thực tiễn:* Năm 1941 Mặt trận Việt Minh ra đời, 1944 đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời.

## **2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền**

*a) Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần*

- Ngày 12/3/1945, Hội nghị BTV TW Đảng họp tại (Tứ Sơn, Bắc Ninh) đưa ra Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”

- *Chỉ thị nhận định:* Đây là điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi, đang có những cơ hội tốt cho tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

- *Chỉ thị xác định:* Sau đảo chính Nhật là kẻ thù chính, là kẻ thù trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương.

- *Chỉ thị chủ trương:* Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước bằng nhiều hình thức đấu tranh.

- *Chỉ thị nêu rõ phương châm đấu tranh;* là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa.

- Phong trào diễn ra ở nhiều nơi; từ miền núi, trung du, đồng bằng cả thành thị lẫn nông thôn.

- Cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ phong phú về nội dung và hình thức.

*b) Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa*

- Chủ trương

- Ngày 9/5/1945 phát xít Đức đầu hàng không điều kiện. Ở Châu á phát xít Nhật đi đến gần chỗ thất bại hoàn toàn.

- Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (Tuyên Quang) ngày 13 đến 15/8/1945 ra nhận định: “Cơ hội tốt cho ta giành chính quyền đã tới” và

quyết định phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng Minh tiến vào Đông Dương.

- Ngày 16/8/1945 Thành lập uỷ ban giải phóng dân tộc Việt nam. Ngày 19/8/1945 thắng lợi khởi nghĩa ở Hà Nội có tính chất quyết định đối với cả nước.

- í nghĩa

c) *Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám*

- Kết quả và ý nghĩa

+ Xoá bỏ áp bức thực dân Pháp, lật nhào chế độ quân chủ, chấm dứt ách thống trị của phát xít Nhật

+ Đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên mới: Độc lập tự do và CNXH

+ Góp phần làm phong phú lý luận Mác- Lênin

+ Cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống CNĐQ giành độc lập.

- Nguyên nhân thắng lợi

+ Cách mạng diễn ra trong bối cảnh quốc tế thuận lợi.

+ Cách mạng thành công là kết quả tổng hợp của 15 đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân.

+ Cách mạng thành công là do Đảng ta chuẩn bị được lực lượng tổng hợp của nhân dân thống nhất dưới Mặt trận Việt Minh.

+ Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn.

- Bài học kinh nghiệm

+ Gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn giữa hai nhiệm vụ: Chống đế quốc và phong kiến

+ Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công-nông.

+ Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

+ Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực một cách thích hợp.

+ Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

+ Xây dựng một Đảng Mác- Lênin đủ sức lãnh đạo cách mạng.

## **Chương III ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)**

### **I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)**

#### **1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)**

a) *Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám*

- Thuận lợi:

- Hệ thống XHCN do Liên Xô đứng đầu được hình thành. Phong trào giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển và trở thành dòng thác cách mạng.

- Trong nước chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà

- Khó khăn:

- Hậu quả chế độ cũ để lại còn nặng nề (nạn đói, nạn dốt, ngân sách hạn hẹp...).

- Nền độc lập của nước ta chưa được một quốc gia nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

- Quân Anh, Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, hòng tách miền Nam ra khỏi Việt Nam.

- Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm là hiểm hoạ đối với xã hội mới.

b) *Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng*

- Nội dung chủ trương

Ngày 25-11-1945, BCHTW Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*. Chủ trương là:

- Về chỉ đạo chiến lược: Xác định mục tiêu vẫn là dân tộc giải phóng, nhưng không phải là giành độc lập dân tộc mà là giữ vững độc lập.

- Về xác định kẻ thù: Kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp, vì vậy phải mở rộng Mặt trận Việt Minh thu hút mọi tầng lớp chống Pháp xâm lược.

- Về phương hướng, nhiệm vụ: củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Thêm bạn bớt thù “*Hoa-Việt thân thiện*” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch “*độc lập chính trị nhân nhượng về kinh tế*” đối với Pháp

- Ý nghĩa của chủ trương

- Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù của Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược.

- Kịp thời đưa ra những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng là xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội và đối ngoại để khắc phục, nạn đói, giặc dốt, chống thù trong giặc ngoài.

c) *Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm*

- Kết quả

Về chính trị-xã hội: Xây dựng được một nền móng xã hội mới với đầy đủ những yếu tố cấu thành cần thiết (Quốc hội, HĐND các cấp thông qua bầu cử, Hiến pháp, Bộ máy chính quyền, các tổ chức đoàn thể...)

Về kinh tế, văn hoá: Phát động phong trào tăng gia sản xuất, xoá bỏ các thứ thuế, ban hành ra tiền giấy của Nhà nước. Tổ chức khai giảng năm học mới, cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hoá mới. Phong trào diệt giặc dốt, bình dân học vụ diễn ra sôi nổi.

Về bảo vệ chính quyền Cách mạng: ở miền Nam, Đảng lãnh đạo nhân dân kháng chiến. ở miền Bắc bằng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù Đảng thực hiện chính sách nhân nhượng với Tưởng. Sau đó Đảng lại chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và ký với Pháp. Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, Tạm ước 14-9-1946 để có thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

- Ý nghĩa

- Những thành quả nói trên đã bảo vệ được độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng; xây dựng được nền móng cho xã hội mới, chuẩn bị được những điều kiện cần thiết để bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.

- Nguyên nhân thắng lợi

+ Đảng ta đánh giá đúng tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám.

- + Kịp thời đưa ra chủ trương phù hợp vừa kháng chiến vừa kiến quốc.
- + Xây dựng và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.
- + Lợi dụng được mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù địch.
- Bài học kinh nghiệm
  - + Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dựa vào dân để xây dựng và bảo vệ chính quyền Cách mạng.
  - + Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính, coi sự nhân nhượng có nguyên tắc với kẻ địch là một biện pháp đấu tranh cách mạng cần thiết trong hoàn cảnh cụ thể.
  - Tận dụng khả năng hoà hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng, đề cao cảnh giác, ứng phó với khả năng chiến tranh lan rộng cả nước.

## **2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)**

### *a) Hoàn cảnh lịch sử*

- Thuận lợi
  - + Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là cuộc kháng chiến chính nghĩa.
  - + Bước vào cuộc kháng chiến ta đã có sự chuẩn bị cần thiết về mọi mặt, sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.
  - + Pháp đang có nhiều khó khăn về chính trị, quân sự, kinh tế trong nước và tại Đông Dương chưa thể khắc phục ngay được.
- Khó khăn
  - + *Chính trị*: Nước Việt Nam mới ra đời, đang đứng trước nhiều khó khăn và thử thách lớn.
  - + *Kinh tế*: Nền kinh tế còn nhỏ bé, nghèo nàn, lạc hậu lại vừa khắc phục nạn đói năm 1945.
  - + *Quân sự*: Ta yếu hơn địch, quân Pháp đã có căn cứ tại các đô thị, ở các nước Lào, Campuchia.
  - + *Ngoại giao*: Chưa được nước nào công nhận, giúp đỡ.

### *b) Quá trình hình thành và nội dung đường lối*

- Đường lối kháng chiến được thể hiện qua ba văn kiện của Đảng: Văn kiện Toàn dân kháng chiến của TW Đảng (12-12-1946), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh (19-12-1946) và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh.



\* Nội dung của đường lối:

*Mục đích kháng chiến:* Kế tục và phát triển sự nghiệp Cách mạng Tháng Tám: “Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất và độc lập”

- *Tính chất kháng chiến:* Đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

- *Chính sách kháng chiến:* Đoàn kết quốc tế, đoàn kết toàn dân, thực hiện toàn dân kháng chiến... Phải tự cấp tự túc về mọi mặt.

- *Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến:* Đoàn kết toàn dân, động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến. Tăng gia sản xuất thực hiện kinh tế tự túc....

*Phương châm tiến hành kháng chiến:* Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- *Kháng chiến toàn dân:* Bất kỳ đàn ông, đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kỳ người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam đứng lên chống Pháp”

- *Kháng chiến toàn diện:* Đánh địch về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao.

- *Về chính trị:* Đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân...

- *Về kinh tế:* Tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cung, tự cấp. Phát triển nông, công, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.

- *Về văn hoá:* Xây dựng nền văn hoá mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.

- *Về ngoại giao:* Thực hiện thêm bạn bớt thù, biểu dương thực lực.

- *Kháng chiến lâu dài (trường kỳ):* Là để chống lại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát triển các yếu tố có lợi cho ta, ta càng đánh càng mạnh, địch càng đánh càng yếu.

- *Dựa vào sức mình là chính:* Phải tự cấp, tự túc về lương thực trong điều kiện ta bị ba vây bốn phía chưa có nước nào giúp đỡ phải tự lực cánh sinh.

*Triển vọng kháng chiến:* Mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn, song nhất định thắng lợi.

Đầu năm 1951. Tình hình Đông Dương có nhiều chuyển biến mới: Các nước XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Cuộc kháng chiến các n-

ước Đông Dương giành được những thắng lợi quan trọng, đế quốc Mỹ can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

Để đáp ứng với yêu cầu của Cách mạng, tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp Đại hội đại biểu lần thứ II (Tuyên Quang). Tách Đảng Cộng sản Đông Dương thành ba đảng. Ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đường lối cách mạng thời kỳ này được phản ánh trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam.

*Tính chất xã hội:* Xã hội Việt Nam gồm ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Ba tính chất đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu vẫn là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

*Đối tượng cách mạng:* Đối tượng chính là đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ, đối tượng phụ là phong kiến phản động.

*Nhiệm vụ cách mạng:* Đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành độc lập cho tổ quốc, xoá bỏ phong kiến, người cày có ruộng làm cơ sở cho CNXH.

*Động lực Cách mạng:* Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức.

- *Đặc điểm của cách mạng:* Lấy nhân dân lao động làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

*Triển vọng của cách mạng:* Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định thắng lợi sẽ đưa Việt Nam tiến lên xây dựng CNXH.

*Con đường đi lên CNXH:* Gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1: Hoàn thành giải phóng dân tộc; Giai đoạn 2: Xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn thiện chế độ dân chủ nhân dân; Giai đoạn 3 Xây dựng cơ sở cho CNXH, tiến lên thực hiện CNXH. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau.

*Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng:* Người lãnh đạo Cách mạng là giai cấp công nhân. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên CNXH ở Việt Nam.

*Chính sách lớn của Đảng:* Đưa ra nhiều chính sách nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân.(15 chính sách: kháng chiến, chính quyền, mặt trận, quân đội, kinh tế, văn hoá giáo dục, tôn giáo, dân tộc, ngoại giao....).

*Quan hệ quốc tế:* Việt Nam đứng về phe hoà bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ các nước XHCN.

Đường lối chính sách của Đại hội đã được bổ sung và phát triển qua các hội nghị TW tiếp theo.

Hội nghị TW lần 1 (3/1951), Hội nghị TW lần 2 (10/1951), Hội nghị TW lần 4 (1/1953), Hội nghị TW lần 5 (11/1953). Đường lối hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên CNXH của Đảng được thực hiện trên thực tế trong giai đoạn 1951-1954.

### **3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm**

a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối

- Kết quả

- Về chính trị: Đảng hoạt động công khai, dần kiện toàn tổ chức. Bộ máy chính quyền năm cấp được củng cố. Khối đại đoàn kết toàn dân được phát triển.

- Về quân sự: Thắng lợi chiến dịch Trung Du, Đường 18, Hà-Nam-Ninh, Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào,... Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954 đã đi vào lịch sử dân tộc và thế giới.

- Ngoại giao: Về ngoại giao: Ngày 20-7-1954, các văn bản của Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được ký kết, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược quân dân ta kết thúc thắng lợi.

- Ý nghĩa

+ Đối với nước ta: Kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện miền Bắc tiến lên CNXH, làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam; tăng thêm niềm tự hào dân tộc của nhân dân ta, nâng cao uy tín của Việt Nam.

+ Đối với quốc tế: Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn tăng cường lực lượng cho CNXH và cách mạng thế giới, đánh đổ thực dân kiểu cũ.

b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

- Nguyên nhân thắng lợi

- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, với đường lối chỉ đạo kháng chiến đúng đắn.

- Đã xây dựng được lực lượng vũ trang đủ mạnh để quyết định tiêu diệt địch trên mọi chiến trường.

- Có chính quyền, dân chủ, của dân, do dân và vì dân được giữ vững củng cố và xây dựng chế độ mới.

- Có liên minh đấu tranh giữa dân tộc Việt Nam-Lào- Campuchia, được sự giúp đỡ các nước XHCN và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

- Bài học kinh nghiệm  
- Đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt đường lối sâu rộng cho toàn Đảng toàn dân, toàn quân.

- Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ chống đế quốc, phong kiến và xây dựng tổ quốc, giải phóng dân tộc bảo vệ chính quyền cách mạng.

Thực hiện phương châm “vừa kháng chiến vừa kiến quốc” xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

Quán triệt tư tưởng vừa kháng chiến vừa kiến quốc, lâu dài, gian khổ chủ động đề ra các phương thức tiến hành chiến tranh và sáng tạo trong nghệ thuật quân sự, ngoại giao...

Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

## **II. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)**

### **1. Giai đoạn 1954-1964**

a) Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954

- Thuận lợi

+ Hệ thống các nước XHCN tiếp tục lớn mạnh cả về chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao.

+ Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển ở Châu á, châu Phi và Mỹ Latinh.

+ Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, làm căn cứ chung cho cả nước

+ Thế và lực Cách mạng lớn mạnh sau 9 năm kháng chiến.

+ Có ý chí độc lập thống nhất Tổ quốc của nhân dân cả nước.

- Khó khăn

+ Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh với âm mưu bá chủ thế giới.

+ Thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai phe CNXH và CNTB.

+ Xuất hiện sự bất đồng giữa các nước XHCN.

+ Đất nước bị chia cắt hai miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn lạc hậu, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

b) Quở trởnh hỡnh thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

- Quở trởnh hõnh thành và nội dung đường lối

+ Tháng 9-1954, Bộ chính trị ra Nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng. Nghị quyết chỉ ra đặc điểm và tình hình cách mạng Việt Nam.

+ Hội Nghị lần bảy (3-1953), lần thứ Tám (8-1955) đã nhận định và đưa ra chiến lược cho cách mạng hai miền.

+ Tháng 1-1959, Hội nghị TW lần thứ 15 họp bàn về Cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới.

Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến 10-9-1960. Đại hội đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

*Nhiệm vụ chung:* Tăng cường đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc, thực hiện Cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước.

*Nhiệm vụ chiến lược:* Tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc; giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

*Mối quan hệ của cách mạng hai miền:* Có mối quan hệ mật thiết và tác dụng thúc đẩy lẫn nhau.

*Nhiệm vụ cách mạng mỗi miền:* Miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa cả nước, hậu thuẫn cho miền Nam chuẩn bị cho cả nước đi lên CNXH về sau. Miền Nam quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng dân

*Con đường thống nhất đất nước:* Kiên trì con đường hoà bình thống nhất theo tinh thần Hiệp nghị Giơnevơ, sẵn sàng hiệp thương tổng tuyển cử hoà bình thống nhất Việt Nam. Nhưng cũng phải luôn cảnh giác cao độ trước âm mưu của đế quốc Mỹ.

*Triển vọng cách mạng Việt Nam:* Cuộc đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài song thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta. Nam, Bắc sum họp một nhà cả nước tiến lên CNXH

ý nghĩa đường lối

- Đường lối đó thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng: Gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, vừa phù hợp với cả hai miền Nam, Bắc, phù hợp với tình hình quốc tế.

- Đường lối Cách mạng Việt nam thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta, phù hợp với thực tiễn, lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.

- Đường lối chiến lược chung cho cả nước và Cách mạng mỗi miền là cơ sở để Đảng chỉ đạo quân dân ta phấn đấu giành được những thắng lợi to lớn.

## 2. Giai đoạn 1965-1975

### a) Hoàn cảnh lịch sử

- Thuận lợi

+ Bước vào kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cách mạng thế giới đang ở thế tiến công.

+ Miền Bắc thực hiện thành công kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và vực các mục tiêu về kinh tế, văn hoá.

+ Miền Bắc đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

- Khó khăn

+ Sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc càng trở nên gay gắt và không có lợi cho Cách mạng Việt Nam.

+ Mỹ thực hiện chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”, đưa quân Mỹ và chư hầu vào trực tiếp xâm lược miền Nam làm tương quan lực lượng trở nên bất lợi cho ta khi tiến hành cuộc đấu tranh chống xâm lược.

### b) Quở trởnh hỡnh thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

- Quở trởnh hỡnh thành và nội dung đường lối

+ Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” ở miền Nam, Hội nghị của Bộ chính trị năm 1961, năm 1962 đã nêu chủ trương giữ vững và phát triển thế tiến công: Phong trào “*đồng khởi*” 1960; đánh địch bằng 3 mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; từng vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng, thành thị.

+ Trước hành động “*Chiến tranh cục bộ*” ở miền Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Hội Nghị TW lần thứ 11 (3-1965) và lần thứ 12 (12-1965) đã đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên toàn quốc.

+ Về nhận định tình hình và chủ trương chiến lược: Chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” thể hiện sự thất bại và bị động, cho nên đã chứa đựng những

mâu thuẫn về chiến lược trong thế thua. TW Đảng quyết định phát động kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong toàn quốc.

+ *Quyết tâm và mục tiêu chiến lược*: Nêu cao khẩu hiệu “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”, “*kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà*”.

+ *Phương châm chỉ đạo chiến lược*: Tiếp tục và đẩy mạnh chiến tranh nhân dân chống chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc; thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

+ *Tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở miền Nam*: Giữ và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Đánh địch bằng 3 mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược.

+ *Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc*: Tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng, bảo vệ miền Bắc XHCN, chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

+ *Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc kháng chiến hai miền*: Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Hai nhiệm vụ không thể tách rời nhau, mật thiết gắn bó với nhau. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “*Tất cả đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.*”

- ý nghĩa đường lối

Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập, tự chủ kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

- Thể hiện tư tưởng năm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ chiến lược của cả hai miền.

- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

### **3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.**

a) *Kết quả và ý nghĩa thắng lợi*

*Miền Bắc*: Chế độ XHCN bước đầu được hình thành. Văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục có bước phát triển. Kinh tế có những thành tựu quan trọng. Quân dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, hoàn thành xuất sắc vai trò cứu địa Cách mạng cả nước và nhiệm vụ hậu phương lớn đối với chiến trường miền Nam.

- *Miền Nam*: Lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ( “Chiến tranh đơn phương” (1954-1960); “ Chiến tranh đặc

biệt” (1961-1965); “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968); “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969-1975) và đỉnh cao là Đại thắng mùa xuân 1975 với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

*ý nghĩa lịch sử đối với nước ta:* Kết thúc 21 năm chiến tranh chống Mỹ, quét sạch quân xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên mới hoà bình, thống nhất, đi lên xây dựng CNXH, để lại niềm tự hào sâu sắc; góp phần nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

- *ý nghĩa đối với cách mạng thế giới:* Đập tan cuộc phản kích lớn nhất của CNĐQ vào CNXH sau chiến tranh thế giới lần thứ hai; làm phá sản chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ; góp phần làm suy yếu CNĐQ, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ tự do và hoà bình phát triển của nhân dân thế giới.

*b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm*

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, có đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo.

- Cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh của nhân dân và quân đội cả nước, đặc biệt là cán bộ, chiến sĩ và hàng chục triệu đồng bào yêu nước miền Nam.

- Công cuộc xây dựng và bảo vệ hậu phương miền Bắc XHCN là hậu phương lớn của miền Nam.

- Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia và sự giúp đỡ ủng hộ của các nước XHCN và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

- Đề ra và thực hiện đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH. Đường lối đó thể hiện ý chí và nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, phù hợp với trào lưu phát triển của thế giới, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến đấu và chiến thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Tin tưởng vào sức mạnh của dân tộc, kiên định tư tưởng chiến lược tiến công, quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

- Thực hiện chiến tranh nhân dân, tìm ra biện pháp chiến đấu đúng đắn, sáng tạo.

Có công tác tổ chức, thực hiện đường lối năng động, sáng tạo, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng.



- Coi trọng công tác xây dựng Đảng, Xây dựng lực lượng Cách mạng ở cả hậu phương và tiền tuyến.

## **Chương IV ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ**

### **I. CÔNG NGHIỆP HOÁ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI**

#### **1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá**

*a) Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa*

- Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hoá

*Mục tiêu cơ bản:* Đường lối CNH đất nước đã được hình thành từ Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960). Mục tiêu cơ bản của CNH-XHCN được Đại hội III xác định là xây dựng một nền kinh tế XHCN cân đối và hiện đại; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH. Đó là mục tiêu lâu dài, cơ bản, phải thực hiện qua nhiều giai đoạn.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- Kết hợp phát triển công nghiệp nhẹ với công nghiệp nặng.
- Phát triển công nghiệp với nông nghiệp.
- Ra sức phát triển công nghiệp TW và công nghiệp địa phương.

Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976) đề ra đường lối CNH-XHCN là: “Đẩy mạnh CNH-XHCN, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của CNXH, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp-nông nghiệp cả nước thành cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất”.

Đại hội lần thứ V của Đảng (3-1982) đã xác định: Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp. Đại hội V coi nội dung chính của CNH trong chặng đường trước mắt. Đây là điều chỉnh đúng đắn bước đi của CNH, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tiếc rằng trên thực tế chúng ta đã không làm đúng sự điều chỉnh chiến lược quan trọng này.

#### *b) Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới*

- Công nghiệp hóa theo mục hõnh nền kinh tế *khộp kón*, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng, gắn với cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp.

- Chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa...

- Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đến kết quả kinh tế-xã hội.

## **2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

### *a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa*

- So với năm 1955, số xí nghiệp tăng lên 16,5 lần. Nhiều khu công nghiệp lớn được hình thành, đã có nhiều cơ sở đầu tiên của ngành công nghiệp nặng như: điện, than, luyện kim, hoá chất.... được xây dựng.

- Đã có hàng chục trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đã đào tạo được đội ngũ khoa học công nghệ gần 43 vạn người gấp 19 lần so với năm 1960.

- Trong điều kiện đi lên từ điểm xuất phát thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, thì những kết quả trên đây có ý nghĩa hết sức quan trọng- tạo cơ sở ban đầu để nước ta phát triển nhanh hơn trong các giai đoạn tiếp theo.

#### *b) Hạn chế và nguyên nhân*

Hạn chế:

- Cơ sở vật chất-kỹ thuật còn hết sức lạc hậu. Những ngành công nghiệp then chốt còn nhỏ bé và chưa được xây dựng đồng bộ, chưa đủ sức làm nền tảng cho nền kinh tế quốc dân.

- Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp mới chỉ bắt đầu phát triển, nông nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho xã hội. Đất nước vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển, rơi vào khủng hoảng kinh tế xã hội.

Nguyên nhân:

Về khách quan: Chúng ta tiến hành CNH từ một nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn trong điều kiện chiến tranh kéo dài, vừa bị tàn phá nặng nề, vừa không thể tập trung sức người, sức của cho CNH.

Về chủ quan: Chúng ta mắc những sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định mục tiêu, bước đi về cơ sở vật chất kỹ thuật, bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư. Đó là sai lầm xuất phát từ nguyên nhân chủ quan duy ý chí trong nhận thức.

## **II. CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

### **1. Quả trỗi đổi mới tư duy về công nghiệp hoá**

*a) Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986*

- Chúng ta đã phạm sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cải tạo XHCN, quản lý kinh tế...Do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội muốn bỏ qua những bước đi cần thiết nên

chúng ta chủ trương đẩy mạnh CNH khi chưa đủ bước đi cần thiết, mặt khác chậm đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế.

- Xuất phát từ tư tưởng muốn đi nhanh, không kết hợp chặt chẽ từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung giải quyết vấn đề cơ bản là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- Không thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết Đại hội V như: nông nghiệp vẫn chưa coi là mặt trận hàng đầu, công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

*b) Quở trởnh đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X*

- Đại hội VI chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, cụ thể hoá những nội dung chính của CNH trong các chặng đường thực hiện 3 chương trình mục tiêu lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- Đại hội VII, VIII, IX và Đại hội X của Đảng tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số quan điểm mới trong tư duy CNH.

+ Con đường CNH ở nước ta có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước.

+ Hướng CNH-HĐH: Phải phát triển nhanh và hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

+ CNH-HĐH bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đẩy nhanh CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn với việc nâng cao năng suất, chất lượng, sản phẩm nông nghiệp.

+ Đẩy mạnh CNH-HĐH phải tính toán đến yêu cầu phát triển bền vững.

## **2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá**

*a) Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá*

Đại hội X đề ra mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức:

- Sớm đưa nước ta ra khỏi tởnh trạng kộm phỏt triển

-Tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

*b) Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá*

- Công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá; công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế

- Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững

- Coi phát triển khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học

**3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức**

*a) Nội dung*

- Phát triển các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng...

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động...

*b) Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức*

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nung nghiệp, nung đồn, nung thụn

+ Về CNH-HĐH nông nghiệp.

+ Về quy hoạch phát triển nông thôn.

+ Về giải quyết vấn đề lao động, việc làm nông thôn.

- Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ

+ Đối với công nghiệp và xây dựng.

- + Đối với dịch vụ.
- Phát triển kinh tế vùng
- + Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để phát triển các vùng kinh tế.
- + Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, Trung, Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước.

- Phát triển kinh tế biển
- + Xây dựng phát triển chiến lược kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

- + Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải, khai thác chế biến dầu khí, khai thác hải sản, phát triển du lịch biển đảo...

- Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu cung nghệ
- + Phát triển nguồn nhân lực.
- + Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

- + Kết hợp giữa hoạt động khoa học công nghệ với giáo dục đào tạo.

- + Đổi mới quản lý khoa học công nghệ.

- Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên

- + Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là tài nguyên nước, đất, rừng và khoáng sản.

- Từng bước hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thuỷ văn, chủ động phòng chống thiên tai.

- Xử lý tốt mối quan hệ tăng dân số với phát triển kinh tế và đô thị hoá với việc bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

- Mở rộng hợp tác quốc tế bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng quản lý, khai thác tài nguyên nước.

#### **4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

a) *Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa*

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật của nước ta được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng CNH-HĐH đạt được những kết quả quan trọng.

- Thành tựu CNH-HĐH góp phần quan trọng đưa nền kinh tế nước ta tăng trưởng khá cao. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

*Hạn chế.*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn còn thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực.

- Nguồn nhân lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

*Nguyên nhân:*

- Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng hiệu quả tốt nhất các nguồn lực vào công cuộc phát triển đất nước.

- Cải cách hành chính còn chậm, kém hiệu quả, công tác tổ chức cán bộ chậm, kém hiệu quả.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện yếu kém.

Ngoài những nguyên nhân trên, còn có các nguyên nhân cụ thể, trực tiếp: Công tác quy hoạch chất lượng kém, nhiều bất hợp lý gây lãng phí nghiêm trọng; cơ cấu đầu tư bất hợp lý làm cho hiệu quả đầu tư thấp, công tác quản lý kém, tệ quan liêu tham nhũng còn nghiêm trọng.

## **Chương V ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

### **ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

#### **I. QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

##### **1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới**

a) *Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.*

- Đặc điểm

+ Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh từ trên xuống dưới.

+ Các cơ quan hành chính nhà nước can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với các quyết định của mình.

+ Quan hệ hành hoá-tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước quản lý thông qua chế độ “cấp phát giao nộp”.

+ Bộ máy quản lý công kênh, nhiều cấp trung gian vừa kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu.

\* Chế độ bao cấp được thực hiện qua các hình thức chủ yếu:

+ Bao cấp qua giá

+ Bao cấp qua chế độ tem phiếu

+ Bao cấp qua chế độ cấp phát vốn

- Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của quá trình thực hiện cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp

+ Trong thời kỳ kinh tế chủ yếu theo chiều rộng thì cơ chế có tác dụng nhất định là cho phép tập trung tối đa các nguồn lực kinh tế vào các mục tiêu chủ yếu cho từng giai đoạn, đặc biệt là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Nhưng lại thủ tiêu cạnh tranh, kìm hãm tiến bộ khoa học kỹ thuật, triệt tiêu động lực kinh tế đối với người lao động. Khi kinh tế thế giới chuyển sang phát triển theo chiều sâu dựa nhiều vào thành tựu phát triển của khoa học-công nghệ thì cơ chế này bộc lộ nhiều yếu kém làm cho nước ta lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

b) *Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*

- Nhu cầu thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xó hội

- Các chủ trương, chính sách đổi mới từng phần từ năm 1979 đến năm 1985 và nhu cầu phải đổi mới triệt để cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành nhu cầu cần thiết và cấp bách.

**2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới**



a) *Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII*

- Kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại

- Kinh tế thị trường cũn tồn tại khỏch quan trong thời kỳ quỏ độ lên chủ nghĩa xó hội

- Có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xó hội ở nước ta

b) *Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X*

- Đại hội IX khẳng định: Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xó hội chủ nghĩa là mục hỏnh kinh tế tổng quỏt trong thời kỳ quỏ độ lên chủ nghĩa xó hội ở nước ta.

- Đại hội X làm rừ hơn về định hướng xó hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện trên 4 tiêu chí:

+ *Về mục đích phát triển.* Mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; giải phóng mǎnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; xoá đói giảm nghèo...

+ *Về phương hướng phát triển.* Phát triển các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng vững chắc trong nền kinh tế quốc dân. Phát triển nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu.

+ *Về định hướng xã hội và phân phối.* Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội, văn hoá, giáo dục và đào tạo, giải quyết tốt vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người.

+ *Về quản lý.* Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết kinh tế của nhà nước phát quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

## **II. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA**

### **1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản**

a) *Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường*

- Thể chế kinh tế: Là một bộ phận cấu thành của hệ thống thể chế xã hội, tồn tại bên cạnh các bộ phận khác như thể chế chính trị, thể chế giáo dục....Thể chế kinh tế nói chung là một hệ thống các quy phạm pháp luật

nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

- Thể chế kinh tế thị trường: Là tổng thể bao gồm các bộ quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

Kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế vừa tuân theo các quy luật kinh tế thị trường vừa chịu sự chi phối các yếu tố bảo đảm tính định hướng XHCN.

*b) Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN làm cho nó phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển nhanh, hiệu quả, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng XHCN, nhằm mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”.

*c) Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường...

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường...

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại, kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta

- Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng... vừa làm vừa tổng kết rýt kinh nghiệm

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước...

## **2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

*a) Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

*b) Hoàn thiện thể chế về sở hữu và cấu thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và tổ chức sản xuất kinh doanh*

*c) Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.*

d) Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

e) Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội

### **3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

#### *a) Kết quả và ý nghĩa*

- Sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Chế độ sở hữu với nhiều hình thức và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được hình thành. Tạo ra động lực và điều kiện giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế xã hội.

- Các loại thị trường cơ bản ra đời và từng bước phát triển thống nhất cả nước, gắn thị trường khu vực với thị trường thế giới.

- Gắn việc phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xoá đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

Sau hơn 20 năm đổi mới, thể chế kinh tế thị trường đã từng bước hoàn thiện, thay cho thể chế kinh tế kế hoạch hoá, tập trung quan liêu, bao cấp trước đây. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, khắc phục khủng hoảng kinh tế xã hội, tạo ra bước đi cần thiết đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH sớm đưa nước ta thoát khỏi tình trạng nước kém phát triển.

#### *b) Hạn chế và nguyên nhân*

- Quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN còn chậm, chưa theo kịp với công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất.

- Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong doanh nghiệp nhà nước chưa được giải quyết tốt, khó khăn cho việc phát triển và làm thất thoát tài sản nhà nước khi cổ phần hoá.

- Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu quả và hiệu lực còn thấp.

- Cơ chế, chính sách phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội chậm đổi mới, chất lượng, dịch vụ, y tế, giáo dục đào tạo còn thấp.

\* Nguyên nhân:

- Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN chưa có trong tiền lệ lịch sử.
- Nhận thức về kinh tế thị trường XHCN còn nhiều hạn chế do công tác lý luận chưa theo kịp với thực tiễn.
- Năng lực thể chế hoá và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước còn chậm, nhất là việc giải quyết các vấn đề bức xúc trong xã hội.
- Vai trò tham gia hoạch định chính sách thực hiện và giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị, các tổ chức nghề nghiệp còn yếu.

## **Chương VI ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

# I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1986)

## 1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng

### a) Hoàn cảnh lịch sử

- Thuận lợi

+ Cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, có nền chuyên chính vô sản đã được thử thách, có khối liên minh công nông vững chắc và chính quyền cách mạng của nhân dân.

+ Nhiệm vụ chiến lược cách mạng trong giai đoạn mới là vượt qua giai đoạn phát triển TBCN, tiến nhanh, tiến mạnh lên CNXH.

+ Nước ta tiến hành cách mạng XHCN trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi. Hệ thống các nước XHCN đang lớn mạnh, phong trào giải phóng dân tộc đang trên đà phát triển.

- Khó khăn

+ Vài năm sau khi đất nước thống nhất cả nước lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực bành trướng, bá quyền.

+ Xuất phát từ một nước thuộc địa lạc hậu bỏ qua giai đoạn phát triển CNTB quá độ lên CNXH.

### b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

- Cơ sở hõnh thành chủ trương

+ Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và chuyên chính vô sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Chuyên chính vô sản là một tất yếu của thời kỳ quá độ từ CNTB đến CNXH.

+ Đường lối chung của Cách mạng Việt nam trong giai đoạn mới được xác định là xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản.

+ Cơ sở chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản nước ta được hình thành từ năm 1930 và bất rĩ vững chắc trong lòng dân tộc và xã hội.

+ Cơ sở kinh tế là nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu bao cấp.

- + Cơ sở xã hội là liên minh giai cấp của giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức.
- + Cơ sở lịch sử sự ra đời của hệ thống chuyên chính vô sản từ năm 1975 đến 1986.
  - Nội dung chủ trương xây dựng hệ thống chính trị
  - + Xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng dựa trên nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp.
  - + Xác định Nhà nước trong chế độ làm chủ tập thể là Nhà nước chuyên chính vô sản.
  - + Xác định Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản.
  - + Xác định nhiệm vụ chung của các đoàn thể là bảo đảm cho quần chúng tham gia kiểm tra công tác Nhà nước, đồng thời là trường học CNXH.
  - + Xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động theo cơ chế Đảng lãnh đạo nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

## **2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

### *a) Kết quả và ý nghĩa*

Hệ thống chính trị trong giai đoạn 1975-1986 đã đạt được những thành tựu trong thời gian đầy khó khăn và thử thách. Đảng đã coi làm chủ tập thể XHCN là bản chất của hệ thống chính trị, đã xây dựng được mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý thành cơ chế chung cho hoạt động quản lý.

Khắc phục được khá nhiều, cách làm chuyên chính cực tả, cực đoan diễn ra trong những năm trước đây.

### *b) Hạn chế và nguyên nhân*

#### *Hạn chế:*

Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân từng cấp từng đơn vị chưa được xác định rõ.

Các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản chưa làm tốt chức năng của mình.

Chế độ trách nhiệm không nghiêm, pháp chế XHCN còn nhiều thiếu sót.

*Nguyên nhân:*

Tình trạng buông lỏng chuyên chính vô sản thể hiện ở nhiều khuyết điểm trong cải tạo XHCN, quản lý xã hội.

Chưa sử dụng đầy đủ sức mạnh tổng hợp chuyên chính vô sản để thiết lập, giữ vững trật tự XHCN.

Những hạn chế, sai lầm trên buộc chúng ta phải đổi mới hệ thống chính trị.

## **II. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

### **1. Quở trởnh hỡnh thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị**

*a) Cơ sở hỡnh thành đường lối*

- Yêu cầu của công cuộc đổi mới kinh tế
- Yêu cầu giữ vững ổn định chính trị - xó hội, mở rộng và phỏt huy đõn chủ xó hội chủ nghĩa
- Yêu cầu mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế
- Yêu cầu khắc phục những yếu kém, khuyết điểm của hệ thống chính trị nước ta trước đổi mới

*b) Quở trởnh đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị*

- Sử dụng khôi niệm hệ thống chớnh trị thay thế khôi niệm hệ thống chuyờn chớnh vụ sản
- Nhận thức rừ hơn về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta
- Nhận thức rừ hơn về yêu cầu dân chủ hoá đời sống xó hội
- Đổi mới nhận thức về Nhà nước và Nhà nước pháp quyền
- Nhận thức rừ hơn về phương thức lónh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chớnh trị.

### **2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới**

*a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị*

- Mục tiêu: Đại hội VII xác định : “Toàn bộ tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”.

- Quan điểm

- Sử dụng khái niệm *hệ thống chính trị* thay thế khái niệm *hệ thống chuyển chính vụ sản*

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Đổi mới chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội.

*b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị*

- Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị

- Xây dựng Nhà nước trong hệ thống chính trị

- Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị

**3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

*a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa*

- Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta có nhiều đổi mới góp phần xây dựng và từng bước hoàn thiện về dân chủ XHCN.

- Nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn.

- Mặt trận, các tổ chức chính trị xã hội có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động.

- Đảng thường xuyên coi trọng xây dựng, chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*



### *Hạn chế:*

Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội chưa ngang tầm với đòi hỏi tình hình.

Việc đổi mới nền hành chính còn rất hạn chế. Tình trạng quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu của một bộ phận công chức nhà nước chưa được khắc phục.

Phương thức, phong cách hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội chưa thoát ra khỏi tình trạng hành chính, xơ cứng.

Vai trò giám sát phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội còn yếu.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt lúng túng.

### *Nguyên nhân:*

Nhận thức về đổi mới hệ thống chính trị chưa có sự thống nhất cao, trong hoạch định, thực hiện một số chủ trương, giải pháp còn hạn chế, ngập ngừng, lúng túng, thiếu dứt khoát, không triệt để.

Việc đổi mới hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức, còn chậm trễ so với đổi mới kinh tế.

## **Chương VII ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **I. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ**

#### **1. Thời kỳ trước đổi mới**

##### *a) Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới*

- Trong những năm 1943-1954

Đầu năm 1943, Ban Thường vụ TW Đảng đã thông qua bản *Đề cương văn hoá Việt Nam* do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp dự thảo. Đây là lần đầu tiên kể từ ngày thành lập, Đảng ta họp bàn và có chủ trương kịp thời về văn hoá, văn nghệ thời điểm chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Đề cương đề ra ba nguyên tắc xây dựng nền văn hoá mới:

Dân tộc hoá (chống mọi ảnh hưởng của nô dịch và thuộc địa)

Đại chúng hoá (chống lại mọi chủ trương hành động làm cho văn hoá phản lại hoặc xa rời quần chúng).

Khoa học hoá (chống lại những gì làm cho văn hoá phản tiến bộ, trái khoa học)

Ngày 3-9-1945 trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng chính phủ, chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó hai nhiệm vụ cấp bách thuộc về văn hoá. *Một là* cùng với diệt giặc đói phải diệt giặc dốt. *Hai là:* Chế độ thực dân đã hủ hoá dân tộc Việt Nam bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô. Vì vậy nhiệm vụ cấp bách là giáo dục nhân dân ta, làm cho dân tộc ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động.

Trong bức thư về “*Nhiệm vụ văn hoá Việt Nam trong công cuộc cứu nước hiện nay*” của Trường Chinh gửi chủ tịch Hồ Chí Minh(11/1946) và báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* (7/1948). Đường lối đó gồm các nội dung: Xác định mối quan hệ giữa văn hoá và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hoá cứu quốc; xây dựng nền văn hoá dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng.

- Trong những năm 1975-1986

Đường lối xây dựng và phát triển văn hoá trong giai đoạn cách mạng XHCN được hình thành từ Đại hội III (1960) mà cốt lõi là chủ trương tiến hành *cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá* đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật, xây dựng con người mới.

Đại hội IV, V tiếp tục đường lối của Đại hội III xác định nền văn hoá có nội dung XHCN, tính dân tộc, tính đảng và tính nhân dân.

b) *Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân*

- Kết quả và ý nghĩa

+ Đã xoá bỏ dần những mặt lạc hậu, những cái lỗi thời trong di sản văn hoá phong kiến, trong văn hoá nô dịch của thực dân Pháp.

+ Bước đầu xây dựng nền văn hoá dân chủ mới với tính dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ Hệ thống giáo dục được cải cách, nạn mù chữ được giảm đáng kể, bài trừ hủ tục lạc hậu

+ Văn hoá cứu quốc đã góp phần động viên nhân dân tích cực tham gia vào cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược.

- ý nghĩa: Hoạt động văn hoá, văn nghệ trong thời kỳ này đã đóng góp xứng đáng vào những thành tựu chung của cả nước. Trình độ văn hoá của xã hội được nâng lên đáng kể. Lối sống mới đã trở thành phổ biến, người với người sống có tình, có nghĩa, đoàn kết thương yêu nhau.

- Hạn chế và nguyên nhân

*Hạn chế*: Công tác tư tưởng và văn hoá thiếu sắc bén, thiếu tính chiến đấu. Việc xây dựng thể chế văn hoá còn chậm. Sự suy thoái về đạo đức, lối

sống có chiều hướng phát triển. Đời sống văn học nghệ thuật có những mặt bất cập.

*Nguyên nhân:* Bị chi phối bởi tư duy chính trị, mà thực chất là nhấn mạnh đến đấu tranh giai cấp.

Chịu sự quy định bởi cách mạng quan hệ sản xuất mà tư tưởng chủ đạo là xoá bỏ tư hữu.

Chiến tranh cùng với cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp và tâm lý bình quân chủ nghĩa đã làm giảm động lực phát triển văn hoá, giáo dục, kìm hãm năng lực tự do sáng tạo.

## **2. Trong thời kỳ đổi mới**

### *a) Quở trởnh đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá*

- Từ Đại hội VI đến Đại hội X, Đảng ta hình thành từng bước nhận thức mới về đặc trưng của nền văn hoá mới mà chúng ta cần xây dựng; về chức năng, vai trò, vị trí của văn hoá trong phát triển kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

### *b) Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá*

- Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội

- Nền văn hoá mà ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

- Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc

- Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng

- Văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi ý chí cố gắng và sự kiên trì, thận trọng

- Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu

### *c) Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá*

- Phát triển văn hoá gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội

- Làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội
- Bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại
- Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ
- Xây dựng và hoàn thiện các giá trị mới và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế

*d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân*

- Kết quả

Trong những năm qua cơ sở vật chất-kỹ thuật của nền văn hoá mới được tạo dựng; quá trình đổi mới tư duy về văn hoá, xây dựng con người và nguồn nhân lực từng bước phát triển rõ nét.

- Giáo dục đào tạo có những bước phát triển mới. Dân trí tiếp tục được nâng cao.

- Khoa học công nghệ từng bước phát triển, phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Văn hoá phát triển, việc xây dựng đời sống văn hoá làm sáng tỏ chính sách văn hoá đúng đắn của Đảng.

ý nghĩa: Những chủ trương, chính sách văn hoá của Đảng và Nhà nước ta đã và đang phát huy tác dụng tích cực, định hướng đúng đắn cho sự phát triển đời sống văn hoá.

- Hạn chế và nguyên nhân

+ Những thành tựu trong lĩnh vực văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc so với yêu cầu đổi mới.

+ Sự phát triển văn hoá chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế.

+ Việc xây dựng thể chế văn hoá còn chậm, chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, làm hạn chế tác dụng của văn hoá đối với các lĩnh vực quan trọng của xã hội.

+ Tình trạng nghèo nàn , lạc hậu, thiếu thốn về đời sống văn hoá-tinh thần ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa được khắc phục hiệu quả.

Nguyên nhân:

Các quan điểm chỉ đạo của đảng về văn hoá chưa được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách và có giải pháp phù hợp để phát triển nền văn hoá trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một bộ phận những người hoạt động trên lĩnh vực văn hoá có biểu hiện xã rời đời sống, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, thị hiếu thấp kém.

## **II. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Thời kỳ trước đổi mới**

#### *a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội*

- Trong những năm chiến tranh

Các vấn đề xã hội được giải quyết trong mô hình Dân chủ nhân dân: Chính phủ có chủ trương và người dân tự tổ chức giải quyết các vấn đề xã hội của mình. Chính sách tăng gia sản xuất, chủ trương tiết kiệm, đồng cam cộng khổ trở thành phong trào rộng rãi.

Giai đoạn 1955-1975: Các vấn đề xã hội được giải quyết trong mô hình xã hội kiểu cũ, trong hoàn cảnh chiến tranh. Chế độ phân phối bình quân chủ nghĩa, nhà nước bao cấp tràn lan dựa vào viện trợ.

Giai đoạn 1975-1985: Các vấn đề xã hội giải quyết theo cơ chế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu, bao cấp trong hoàn cảnh đất nước khủng hoảng kinh tế-xã hội, bao vây cấm vận.

#### *b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân*

- Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa: Bảo đảm được sự ổn định của xã hội, đồng thời đạt được một số thành tựu trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, đạo đức, kỷ cương xã hội.... Hoàn thành nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Những thành tựu đó nói lên bản chất tốt đẹp của

chế độ mới và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề xã hội trong điều kiện chiến tranh kéo dài, kinh tế chậm phát triển.

- Hạn chế và nguyên nhân: Trong xã hội hình thành tâm lý thụ động, ý lại vào Nhà nước và tập thể trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. đã hình thành một xã hội đóng, ổn định nhưng kém năng động, chậm phát triển về nhiều mặt.

Nguyên nhân cơ bản là chúng ta chưa đặt ngang tầm chính sách xã hội trong mối quan hệ với các chính sách thuộc các lĩnh vực khác, đồng thời áp dụng và duy trì quá lâu cơ chế kế hoạch hoá, tập trung quan liêu, bao cấp.

## **2. Trong thời kỳ đổi mới**

### *a) Quở trởnh đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội*

- Trong những năm 1986-1995

Đại hội VI, lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội. Mục tiêu chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế là chỗ nhằm phát huy nhân tố con người. Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề phát triển các chính sách xã hội, đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực phát triển kinh tế.

Đại hội VII, VIII, IX và Đại hội X của đảng đã chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước ở từng lĩnh vực, địa phương.

### *b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội*

- Kết hợp cỗ mục tiêu kinh tế với cỗ mục tiêu xã hội

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chớnh sách phổ biến

- Chớnh sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ

- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội

### *c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội*

- Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

- Bảo đảm cung ứng dịch vụ cộng thiết yếu, bõnh đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ...

- Phỏt triển hệ thống y tế cộng bằng và hiệu quả

- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nữi

- Thực hiện tốt cỏc chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đởnh

- Chú trọng các chính sách ưu đỏi xó hội

- Đỏi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng

*d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhõn*

- Kết quả và ý nghĩa

+ Tính năng động của xã hội khác hẳn thời bao cấp.

+ Một xã hội mở đang dần dần đợc hình thành.

+ Cách thức quản lý xã hội dân chủ hơn, cởi mở hơn, đề cao pháp luật.

+ Thành tựu xoá đỏi giảm nghèo đợc nhan dân đồng tình và quốc tế công nhận.

+ Cỏi giáo dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đỏi.

- Hạn chế và nguyên nhõn

+ áp lực dân số còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp. Vấn đề việc làm bức xú và nan giải.

+ Sự phân hoá giàu nghèo bất công trong xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.

+ Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến phức tạp.

+ Môi trường sinh thái bị ô nhiễm tiếp tục tăng thêm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.

+ Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp; an sinh xã hội chưa đợc bảo đảm.

*Nguyên nhõn:*

+ Tăng trưởng kinh tế vẫn tách rời mục tiêu và chính sách xã hội, chạy theo số lượng ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội.



+ Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển kinh tế xã hội.

## Chương VIII ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

### I. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1985)

#### 1. Hoàn cảnh lịch sử

##### a) Tình hình thế giới

Từ thập kỷ 70, thế kỷ XX, sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và công nghệ thúc đẩy LLSX phát triển nhanh; Mỹ, Nhật, Tây Âu trở thành ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới.

- Tõnh hõnh cõc nước xõ hội chủ nghĩa ã trở thành hệ thống thế giới và lớn mạnh không ngừng. Giữa thập kỷ 70 các nước XHCN xuất hiện trì trệ và mất ổn định.

- Tình hình Đông Nam á có những chuyển biến mới; tháng 2-1976, các nước ASEAN ký *Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam á*, mở ra cục diện hoà bình, hợp tác trong khu vực.

##### b) Tõnh hõnh trong nước

- Thuận lợi: Tổ quốc hoàn toàn giải phóng, thống nhất, cả nước đi lên xây dựng CNXH. Công cuộc xây dựng CNXH ã ãt ã được một số thành tựu quan trọng.

- Khó khăn: Nước ta tập trung khắc phục hậu quả nặng nề sau ba mươi năm đấu tranh giành ã lập, lại phải ãi phó với chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Các thế lực thù ãịch sử dụng những thủ ãoạn thâm ãm ãm chống phá cách mạng Việt Nam. Ngoài ra do tư tưởng chủ quan,

nóng vội, muốn đi nhanh lên CNXH đã dẫn đến những khó khăn về kinh tế-xã hội.

## 2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng

a) *Nhiệm vụ đối ngoại*: Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976) xác định nhiệm vụ đối ngoại là “Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH ở nước ta”.

b) *Chủ trương đối ngoại với các nước*

+ Đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước XHCN.

+ Bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Việt Nam-Lào-Campuchia.

+ Sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực.

+ Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

+ Năm 1978 điều chỉnh chủ trương và coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng trong quan hệ đối ngoại.

## 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) *Kết quả và ý nghĩa*: Trong 10 năm trước đổi mới, quan hệ Việt Nam với các nước XHCN được tăng cường, đặc biệt với Liên Xô. Năm 1977 ta có quan hệ ngoại giao với 23 nước; thành viên của IMF, WB, ADB; thành viên LHQ; vị trí Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên một bước.

*ý nghĩa*:

Tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể từ các nước XHCN nhằm góp phần khôi phục kinh tế đất nước sau chiến tranh.

Tranh thủ được sự ủng hộ, hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế góp phần đưa vai trò nước ta được phát huy trên trường quốc tế.

Thiết lập được quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN còn lại đã tạo thuận lợi sau này để Việt Nam gia nhập ASEAN.

b) *Hạn chế và nguyên nhân*

*Hạn chế*: Nước ta bị bao vây, cô lập, trong đó đặc biệt là từ cuối thập kỷ 70 thế kỷ XX, lấy “sự kiện Campuchia” các nước ASEAN và một số nước khác đã bao vây, cấm vận Việt Nam.

*Nguyên nhân*: Do bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan.

## II. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI.

## **1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối**

### *a) Hoàn cảnh lịch sử*

- Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi quốc gia, dân tộc.

- Các nước XHCN lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc. Chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

- Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước đổi mới tư duy đối ngoại, mở rộng đa dạng hoá, đa phương hoá.

- Xu thế toàn cầu hoá và những tác động to lớn của nó đến đời sống vật chất, tinh thần đến các quốc gia, dân tộc.

- Tình hình khu vực Châu á-Thái Bình Dương có nhiều chuyển biến mới.

- Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam (phổ thế bị bao vây, cấm vận; chống tụt hậu về kinh tế)

### *b) Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối*

- Giai đoạn (1986-1996): xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế

- Giai đoạn (1996-2008): bổ sung và hoàn chỉnh đường lối đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

+ Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế.

## **2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế**

### *a) Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo*

- Cơ hội và thách thức

*Về cơ hội:* Xu thế hoà bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hoá kinh tế tạo điều kiện cho nước ta mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế. Mặt khác thắng lợi của công cuộc đổi mới đã nâng cao thế và lực của nước ta trên trường quốc tế, tạo tiền đề mới cho quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Về thách thức:* Những vấn đề toàn cầu hoá như phân hoá giàu nghèo, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia...gây tác động bất lợi đối với nước ta. Kinh tế Việt Nam chịu sức ép cạnh tranh từ các nước khác. Ngoài ra các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề “nhân quyền”, “dân chủ” chống phá chế độ chính trị và ổn định, phát triển nước ta.

- Mục tiêu, nhiệm vụ: Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, tạo thêm nhiều nguồn lực phát triển kinh tế đất nước, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập, dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội.

- Tư tưởng chỉ đạo

+ Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với đẩy mạnh đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.

+ Nắm vững hai mặt vừa *hợp tác* vừa *đấu tranh* trong quan hệ quốc tế.

+ Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, không phân biệt chế độ xã hội.

+ Kết hợp ngoại giao Đảng, Nhà nước, thực hiện ngoại giao nhân dân.

+ Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế- xã hội; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư bên ngoài.

+ Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

*b) Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế*

- Đưa các quan hệ đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp

- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước

- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế

- Giải quyết tốt các vấn đề văn hoá, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập

- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập

- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

### **3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

#### *a) Thành tựu và ý nghĩa*

- Thành tựu

+ Phá thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

+ Giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan

+ Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá (thiết lập, mở rộng quan hệ với các nước, tham gia tích cực tại Liên hợp quốc...)

+ Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế (tham gia AFTA, APEC, WTO)

+ Thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý

+ Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh

- Ý nghĩa

+ Kết hợp nội lực với ngoại lực, hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn

+ Giữ vững, củng cố độc lập tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa

+ Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

#### *b) Hạn chế và nguyên nhân*

- Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn chúng ta còn lúng túng, bị động...

- Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; luật pháp, chính sách quản lý kinh tế - thương mại chưa hoàn chỉnh

- Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết

- Doanh nghiệp nước ta còn yếu cả về sản xuất, quản lý và khả năng cạnh tranh

- Đội ngũ cán bộ công tác đối ngoại còn thiếu và yếu; công tác tổ chức chỉ đạo chưa sát và chưa kịp thời.

